

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO YÊN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/HNGĐ-ST
Ngày 19 tháng 7 năm 2019
(V/v ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO YÊN, TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Vũ Quang Đại.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Thế Xương;
2. Bà Đinh Thị Út.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: ông Lê Mạnh Tuấn, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Trinh, kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

Ngày 19 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai, Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2019/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2019 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2019/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2019. Giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị N, sinh năm 1991;
Trú tại: Bản C1, xã LS, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai - có mặt.
2. Bị đơn: Anh Trần Đình Q, sinh năm 1986;
Trú tại: Bản MĐ, xã TD, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai - vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, tự khai và lời trình bày của chị Hoàng Thị N có nội dung như sau:

Chị và anh Trần Đình Q đăng ký kết hôn ngày 17 tháng 12 năm 2011 tại UBND xã TD, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai, sau khi kết hôn anh chị chung sống

hạnh phúc được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh Q không chịu khó lao động sản xuất, nhiều lần hai bên gia đình khuyên bảo để tiếp tục chung sống nhưng anh Q vẫn không thay đổi, vợ chồng chị thường xuyên bất đồng quan điểm sống, không thể tiếp tục chung sống chị N và anh Q đã ly thân từ tháng 7 năm 2017 đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Xác định không thể tiếp tục chung sống được chị N khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Q và yêu cầu giải quyết nuôi con chung.

Về con chung anh chị có 01 con chung cháu Hoàng Quỳnh A, sinh ngày 28 tháng 10 năm 2013. Hiện nay đang sống cùng chị N, sau khi ly hôn chị N có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu A, yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/01 tháng.

Về tài sản chung chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết:

Tại biên bản lấy lời khai của anh Trần Đình Q, nội dung thống nhất với chị N về quan hệ hôn nhân, về con chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn theo anh Q chỉ là mâu thuẫn nhỏ có thể khắc phục được nên không nhất trí ly hôn. Trong trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn anh Q yêu cầu được nuôi dưỡng cháu A và yêu cầu chị N phải cấp dưỡng theo Q định.

Về tài sản anh Q đề nghị Tòa án giải quyết số tiền anh Q và chị N vay tại Phòng giao dịch huyện Bảo Yên thuộc Ngân hàng chính sách xã hội là 50.000.000 đồng. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện bảo Yên đã có thông báo khởi kiện giao Phòng giao dịch huyện Bảo Yên nhưng Phòng giao dịch huyện Bảo Yên không có đơn khởi kiện, mặt khác khoản nợ của anh Q và chị N chưa đến hạn trả nợ nên không đề cập giải quyết trong vụ án này.

Tại phiên tòa chị N nhất trí giao cháu Hoàng Quỳnh A, sinh ngày 28 tháng 10 năm 2013 cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng và chị cấp dưỡng nuôi con cho bị đơn là 1.000.000 đồng/01 tháng.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các Q định của pháp luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71, 234 Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn không thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự (vắng mặt tại phiên tòa ngày 03/7/2019 và phiên tòa hôm nay).

Về giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 228, 147 Bộ luật tố tụng dân sự, nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí của Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Hoàng Thị N, xử cho chị Hoàng Thị N được ly hôn với anh Trần Đình Q. Về con chung: Giao cháu Hoàng Quỳnh A sinh ngày 28 tháng 10 năm 2013 cho anh Trần Đình Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, đến khi cháu Quỳnh A đủ 18 tuổi. Chị Hoàng Thị N phải cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng/01 tháng đến khi cháu đủ 18 tuổi; về án phí: Nguyên đơn chị Hoàng Thị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Chị Hoàng Thị N kiện yêu cầu ly hôn anh Trần Đình Q, anh Q cư trú tại huyện Bảo Yên. Vì vậy vụ án thuộc thẩm Qền giải Qết của Toà án nhân dân huyện Bảo Yên được Q định tại các Điều 28; 35 và 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Chị N và anh Q đăng ký kết hôn vào năm 2011, quá trình chung sống luôn xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chị N cho rằng anh Q không chịu khó làm ăn dẫn đến vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, cãi vã nhau, anh chị đã ly thân từ tháng 7 năm 2017 đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Hôn nhân của chị N và anh Q đã đến mức trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của của chị N là phù hợp.

[3] Về con chung chị N nhất trí giao cháu Hoàng Quỳnh Anh sinh ngày 28 tháng 10 năm 2013 cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu Anh đủ 18 tuổi và cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng / 1 tháng là phù hợp cần chấp nhận.

[4] Về án phí nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 51, 56, 81, Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí của Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử cho Hoàng Thị N được ly hôn với anh Trần Đình Q.

2. Về con chung:

Giao cháu Hoàng Quỳnh A, sinh ngày 28 tháng 10 năm 2013 cho anh Trần Đình Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, đến khi cháu Anh đủ 18 tuổi. Chị Hoàng Thị N phải cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng/01 tháng.

Chị Hoàng Thị N có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí:

Chị Hoàng Thị N phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0001509 ngày 26 tháng 3 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai. Chị N còn phải thi hành 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án sử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện(2);
- UBND xã Tân Dương;
- Chi cục THADS huyện (2);
- Các đương sự (2);
- Lưu Hsơ (2);
- Lưu tập án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Quang Đại